

Số: 79/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh Trà Vinh, nhiệm kỳ 2016 - 2021 (từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2018)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Báo cáo số 178/BC-HĐND ngày 02/7/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về việc giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh (từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2018); báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kết quả thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với Ủy ban nhân dân (UBND) trong thời gian giữa 2 kỳ họp HĐND tỉnh Trà Vinh (từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2018), gồm các nội dung sau:

- Thỏa thuận đối với 03 văn bản của UBND tỉnh đề nghị có liên quan đến lĩnh vực đất đai (đính kèm Phụ lục 1).

- Thỏa thuận đối với 04 văn bản của UBND tỉnh đề nghị về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (đính kèm Phụ lục 2).

- Thỏa thuận đối với 06 văn bản của UBND tỉnh đề nghị về bổ sung dự toán cho các sở ngành, bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố năm 2018 (đính kèm Phụ lục 3).

- Thỏa thuận đối với 04 văn bản của UBND tỉnh đề nghị về mức hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức tôn giáo (đính kèm Phụ lục 4).

- Thỏa thuận đối với 01 văn bản của UBND tỉnh đề nghị điều chuyển 01 biên chế công chức từ UBND cấp huyện về các Sở, ban ngành tỉnh (đính kèm Phụ lục 5).

Điều 2. Bãi bỏ nội dung "Chấp thuận về nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Trà Vinh đối với diện tích khoảng 59.920 m² (gồm đất ở nông thôn 1.978m², đất trồng cây lâu năm 31.500m², đất nuôi trồng thủy sản 2.100m², đất trồng cây hàng năm khác 22.968m² và đất chuyên trồng lúa 1.374m²), tọa lạc tại xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp" tại mục 1, Phụ lục số 01 của Nghị quyết số 73/NQ-HĐND, ngày 04/5/2018 của HĐND tỉnh.

Điều 3.

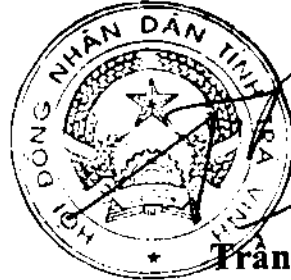
1. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11/7/2018. /

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở ngành tỉnh có liên quan;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng



PHỤ LỤC 1

Các văn bản thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh về lĩnh vực đất đai

(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

STT	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản thỏa thuận	Nội dung thỏa thuận
1	158/TB-HĐND ngày 20/6/2018	Công văn số 1898/UBND-NN ngày 31/5/2018 của UBND tỉnh về việc đăng ký nội dung hợp thỏa thuận định kỳ xử lý công việc: Thống nhất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 300 m ² sang sử dụng vào mục đích khác để thực hiện Dự án Cửa hàng xăng dầu Đàng Tiếp Phương Thạnh; đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan, UBND huyện Càng Long cập nhật vào hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đúng theo quy định của Luật đất đai.
2	158/TB-HĐND ngày 20/6/2018	Công văn số 1928/UBND-NN ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh về việc đăng ký nội dung hợp thỏa thuận định kỳ xử lý công việc: Thống nhất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 500 m ² sang sử dụng vào mục đích khác để thực hiện Dự án Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thu Sang; đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan, UBND huyện Cầu Ngang cập nhật vào hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đúng theo quy định của Luật đất đai.
3	159/TB-HĐND ngày 25/6/2018	Công văn số 2032/UBND-NN ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh về việc đăng ký nội dung hợp thỏa thuận định kỳ xử lý công việc: <ul style="list-style-type: none">- Việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: sau khi UBND tỉnh chuẩn bị đầy đủ các thủ tục theo quy định của Luật Đất đai sẽ trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.- Thống nhất bãi bỏ nội dung "Chấp thuận về nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Trà Vinh đối với diện tích khoảng 59.920 m² (gồm đất ở nông thôn 1.978m², đất trồng cây lâu năm 31.500m², đất nuôi trồng thủy sản 2.100m², đất trồng cây hàng năm khác 22.968m² và đất chuyên trồng lúa 1.374m²), tọa lạc tại xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp" tại gạch đầu dòng thứ nhất của mục 3 Thông báo số 39/TB-HĐND ngày 26/01/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về ý kiến kết luận của Thường trực tại cuộc họp thỏa thuận với UBND tỉnh về những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh ngày 26/01/2018.- Chấp thuận về nguyên tắc điều chỉnh diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích sử dụng đất từ 1.374 m² lên 5.288 m² (tăng thêm 3.914 m²) để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda.



PHỤ LỤC 2

Các văn bản thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2018
(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

S T T	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản thỏa thuận	Nội dung thỏa thuận
1	129/TB-HĐND ngày 22/5/2018	<p>Công văn số 1561/UBND-KT ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 để thanh toán cho các dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán (đợt 2): thống nhất phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (đợt 2) với số tiền 7.953.279.770 đồng để thanh toán các dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán.</p> <p>- Nguồn vốn:</p> <p>+ Vốn ngân sách địa phương năm 2018 (vốn phân bổ tại khoản II, mục A của danh mục kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh): 2.592.255.278 đồng;</p> <p>+ Vốn xổ số kiến thiết năm 2018 (vốn phân bổ tại mục B của danh mục kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh): 5.361.024.492 đồng.</p> <p><i>(Đính kèm phụ lục 2a)</i></p>
2	158/TB-HĐND ngày 20/6/2018	<p>Công văn số 1599/UBND-KT ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch năm 2018, nguồn vốn ngân sách tỉnh (đợt 1) và Công văn số 1949/UBND-KT ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc giải trình việc phân bổ bổ sung vốn kế hoạch năm 2018 các dự án vướng Nghị quyết số 70/NQ-CP của Chính phủ:</p> <p>- Về phân bổ bổ sung kế hoạch vốn năm 2018:</p> <p>+ Thống nhất phân bổ bổ sung vốn kế hoạch năm 2018 cho 15 dự án với tổng số tiền 89.150 triệu đồng (nguồn ngân sách địa phương 31.000 triệu đồng, bố trí cho 04 dự án; vốn xổ số kiến thiết 58.150 triệu đồng, bố trí cho 11 dự án). <i>(Đính kèm phụ lục 2b)</i></p> <p>+ Đối với Dự án xây dựng hạ tầng thủy sản xã Đông Hải - Long Toàn - Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải với số tiền 04 tỷ đồng; đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra lại tính sát thực, hiệu quả của dự án, nếu thật sự cần thiết thì mới trình HĐND tỉnh bổ sung kinh phí;</p> <p>+ Đối với dự án Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Cầu Kè <i>(bổ sung để thực hiện phân Trang thiết bị y tế)</i> với số tiền 01 tỷ đồng; đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, sắp xếp, điều chuyển các trang thiết bị y tế cho hợp lý, hiệu quả. Sau khi tiến hành rà soát, nếu các trang thiết bị còn thừa phù hợp với nhu cầu của Cầu Kè thì điều chuyển, còn không phù hợp với nhu cầu thì tiến hành mua sắm nhưng phải đảm bảo có người sử dụng.</p> <p>- Thống nhất phân bổ cho dự án mua sắm trang thiết bị phòng máy vi tính dạy và học, máy photocopy, bàn ghế học sinh, giáo viên trang bị cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo từ nguồn vượt thu xổ số kiến thiết năm 2016 chưa sử dụng trong năm 2017 chuyển sang năm 2018 với số tiền 9.800 triệu đồng <i>(Đính kèm phụ lục 2c)</i>.</p> <p>- Việc tạm ứng kế hoạch năm 2018 từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương</p>

S T T	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản thỏa thuận	Nội dung thỏa thuận
		(nguồn dự phòng bổ sung các dự án bức xúc và công trình thiếu vốn) để bố trí cho 06 dự án sử dụng vốn xổ số kiến thiết với tổng kinh phí 78.025 triệu đồng: theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công thì việc cho ý kiến về tạm ứng kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 là không thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.
3	158/TB-HĐND ngày 20/6/2018	Công văn số 2021/UBND-NN ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh v/v phân bổ chi tiết vốn cho các công trình XDCB các xã thuộc dự án Thích ứng biến đổi khí hậu Trà Vinh (AMD Trà Vinh): thống nhất phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các xã để triển khai thực hiện các công trình thuộc Dự án AMD Trà Vinh với số tiền 3.068 triệu đồng từ nguồn vốn đối ứng các dự án ODA năm 2017 chuyển sang năm 2018 theo Công văn số 2583/BKHĐT-TH ngày 23/4/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể: huyện Trà Cú (02 xã) số tiền 1.210.000.000 đồng, huyện Châu Thành (02 xã) số tiền 747.313.000 đồng, huyện Cầu Kè (01 xã) số tiền 441.001.000 đồng, huyện Càng Long (02 xã) số tiền 669.686.000 đồng (Đính kèm phụ lục 2d).
4	158/TB-HĐND ngày 20/6/2018	Công văn số 1951/UBND-KT ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (đợt 2): thống nhất phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 (đợt 2) số tiền 50 tỷ đồng từ nguồn vốn khác năm 2018 (nguồn đấu giá quyền sử dụng đất của Dự án Tuyến đô thị mới Đông đường Mậu Thân, thành phố Trà Vinh (dự án lập lại) nộp ngân sách tỉnh) để UBND thành phố Trà Vinh thanh toán cho Dự án Tuyến đô thị mới phía Đông đường Mậu Thân, thành phố Trà Vinh (dự án lập lại). (Đính kèm phụ lục 2e)



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 2018
(Kế hoạch theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

Phụ lục 2a

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian		Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán đến thời điểm quyết toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018		Ghi chú			
							khởi công	hoàn thành	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (đồng)	Trong đó: phần vốn NSNN		Trong đó:		
										Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
TỔNG SỐ												1.002.439	446.996	7.953.279.770				
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG												510.835	170.480	2.592.255.278			
1	Văn hóa Thông tin												61.034	56.424	267.708.000			
	Khu tập luyện thể dục, thể thao tỉnh Trà Vinh	TP. Trà Vinh	KBNN Trà Vinh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7607971	161	Công trình hạ tầng	2017	2017	347/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	3.000		2.500	220.160.000				
	Đường đua ghe ngo Long Bình thành phố Trà Vinh (từ đường Trần Phú đến cầu Long Bình II)	TP. Trà Vinh	KBNN Trà Vinh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7019380	161	Công trình hạ tầng	2008	2012	1621/QĐ-UBND ngày 17/10/2006	58.034		53.924	47.548.000				
2	Hoạt động kinh tế												428.207	79.562	1.889.310.082			
	Quy hoạch phát triển Khu kinh tế tổng hợp Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2020	huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải	KBNN Trà Vinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7192907	332	Quy hoạch	2008	2008	1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008	432		410	4.100.000			Dự án được phê duyệt quyết toán tháng 12/2017; phân bổ vốn để thanh toán tất toán công nợ sau quyết toán	
	Công nghệ thông tin, mạng máy tính phục vụ công tác điều hành tác nghiệp và lưu chuyển văn bản trên môi trường mạng tại Sở KH & ĐT Trà Vinh	TP. Trà Vinh	KBNN Trà Vinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7395042	314	Mua sắm thiết bị	2013	2013	292/QĐ-SKHĐT ngày 25/10/2012	399		349	2.652.000				
	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Trà Vinh đến 2020	TP. Trà Vinh	KBNN Trà Vinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7136081	332	Quy hoạch	2008	2011	962/QĐ-UBND ngày 05/07/2007	1.155		1.130	10.927.000			Dự án được phê duyệt quyết toán tháng 12/2016; phân bổ vốn để thanh toán tất toán công nợ sau quyết toán	
	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức, tỉnh Trà Vinh. Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng đường nội bộ giai đoạn II Khu công nghiệp Long Đức	TP. Trà Vinh	KBNN Trà Vinh	Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu Công nghiệp	7025523	312	Công trình hạ tầng	2012	2013	1664/QĐ-UBND ngày 13/9/2005	248.995		3.088	51.923.000			Dự án được phê duyệt quyết toán tháng 12/2017; phân bổ vốn để thanh toán tất toán công nợ sau quyết toán	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian		Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán đến thời điểm quyết toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018			Ghi chú		
								khởi công	hoàn thành	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (triệu đồng)	Trong đó: phần vốn NSNN	Tổng số (đồng)		Trong đó:	
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)		
	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (dự án lập lại)	Huyện Cầu Kè và Trà Cú	KBNN Trà Vinh	Sở GTVT	7683390	292	Công trình giao thông	2007	2008	934/QĐ-UBND ngày 03/7/2007; 1145/QĐ-UBND ngày 14/8/2007	17.293		0	167.377.000			Dự án được phê duyệt quyết toán tháng 12/2017; phân bổ vốn để thanh toán tất toán công nợ sau quyết toán		
	Nâng cấp mở rộng đường ra Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, thuộc xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	TP. Trà Vinh	KBNN Trà Vinh	Sở GTVT	7683389	292	Công trình giao thông	2003	2006	1665/QĐ-CTT ngày 25/10/2002	28.845		176	22.147.800			Dự án được phê duyệt quyết toán tháng 12/2017; phân bổ vốn để thanh toán tất toán công nợ sau quyết toán		
	Xây dựng các cầu trên đường vào trung tâm các xã Tân Hiệp, Long Hiệp, Ngọc Biên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (dự án lập lại)	Huyện Trà Cú	KBNN Trà Vinh	Sở GTVT	7415588	292	Công trình giao thông	2014	2016	1401/QĐ-UBND ngày 01/9/2011; 583/QĐ-UBND ngày 26/4/2014	87.816		49.620	494.881.696					
3	Hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể										3.700		18.884	242.091.098					
	Mua sắm thiết bị công trình Hội trường khu hành chính tập trung huyện Tiểu Cần và nhà làm việc các Ban Đảng thuộc Huyện ủy Tiểu Cần	TT. Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần	KBNN Tiểu Cần	UBND Tiểu Cần	7430791	341	Mua sắm thiết bị	2014	2014	358/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2013	2.700		2.430	35.951.000					
	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	KBNN Trà Vinh	UBND Cầu Kè	7486859	341	Công trình dân dụng	2015	2015	281/QĐ-SKHĐT ngày 16/10/2013	1.000		844	12.994.000					
4	Quốc phòng										17.894		15.610	193.146.098					
	Xây dựng Hội trường tuyến quân Ban chỉ huy Quân sự 06 huyện và 01 thị xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Huyện Tiểu Cần, Cầu Ngang, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, Trà Cú, TX Duyên Hải	KBNN Trà Vinh	Bộ Chỉ huy Quân sự	7004686	011	Công trình dân dụng	2016	2017	590/QĐ-UBND ngày 22/03/2016; 676/QĐ-UBND ngày 29/03/2016	17.894		15.610	193.146.098					
II	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT										491.604		276.516	5.361.024.492					
1	Y tế, dân số và gia đình										295.072		133.316	2.383.315.192					

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian		Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018		Ghi chú		
								khởi công	hoàn thành	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Vốn đã thanh toán đến thời điểm quyết toán (triệu đồng)	Trong đó:			
											Tổng số: (triệu đồng)	Trong đó: phần vốn NSNN		Tổng số (đồng)		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Dương Quang Đông, huyện Cầu Ngang	TT Cầu Ngang	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	7608351	074	Công trình dân dụng	2017	2017	350/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2016; 74/QĐ-SKHĐT ngày 31/3/2017	546		477	6.770.000			
	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung học phổ thông Cầu Quan, huyện Tiểu Cần	Huyện Tiểu Cần	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục Đào tạo Trà Vinh	7560224	074	Công trình dân dụng	2016	2017	87/QĐ-SKHĐT ngày 29/3/2016	4.887		4.179	94.037.000			
	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung học phổ thông Dương Hào Học, huyện Càng Long	Huyện Càng Long	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục Đào tạo Trà Vinh	7607991	074	Công trình dân dụng	2017	2017	328/QĐ-SKHĐT ngày 17/10/2016	3.568		2.989	115.442.000			
	Trường THPT Hồ Thị Nhâm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (DA PT GD THPT 2)	Huyện Càng Long	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục Đào tạo Trà Vinh	7479598	074	Công trình dân dụng	2015	2017	1667/QĐ-UBND ngày 17/10/2014; 2726/QĐ-UBND ngày 26/12/2016	22.104		12.009	493.218.000			
	Trường THPT Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (DA PT GD THPT 2)	Huyện Duyên Hải	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục Đào tạo Trà Vinh	7479604	074	Công trình dân dụng	2015	2017	1666/QĐ-UBND ngày 17/10/2014; 2596/QĐ-UBND ngày 05/12/2016	18.315		10.251	174.988.600			
	Trường THPT Chuyên Trà Vinh, giai đoạn 2	TPTV	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục Đào tạo Trà Vinh	7377724	074	Công trình dân dụng	2014	2016	1986/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	64.071		46.302	280.353.700			
	Trường THPT Hàm Giang, huyện Trà Cú	Huyện Trà Cú	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục Đào tạo Trà Vinh	7560226	074	Công trình dân dụng	2016	2017	654/QĐ-UBND ngày 28/3/2016	11.074		8.067	884.772.000			
	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non năm tuổi trên địa bàn huyện Cầu Kè (giai đoạn 2)	Huyện Cầu Kè	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Cầu Kè	7608377	071	Công trình dân dụng	2017	2017	2362/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	9.068		8.093	146.872.000			
	Xây dựng xóa phòng học tạm bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở xuống cấp trên địa bàn huyện Cầu Ngang (khởi 15 phòng)	Huyện Cầu Ngang	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Cầu Ngang	7571832	071	Công trình dân dụng	2016	2017	670/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	7.746		6.217	243.051.000			
	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non năm tuổi trên địa bàn huyện Châu Thành (khởi 20 phòng học)	Huyện Châu Thành	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Châu Thành	7571260	071	Công trình dân dụng	2016	2017	669/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	10.499		8.841	127.338.700			



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(NGUỒN VỐN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2018)**

(Ban hành theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

Phụ lục số 2b

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2018		Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh bổ sung năm 2018		Ghi chú					
									Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trả nợ XDCB	Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm	Ý khác		
										Tổng số						Trong đó: NSNN	Thu hồi vốn đã ứng trước				Trả nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ									162.752	266.441	190.000	57.872	193.472	-	-	193.472	-	-	89.150	89.150	
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018									107.018	107.018	96.000	28.409	117.722	-	-	117.722	-	-	31.000	31.000	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN									107.018	107.018	96.000	28.409	117.722	-	-	117.722	-	-	31.000	31.000	
I	Lĩnh vực giao thông vận tải									75.089	75.089	69.000	26.000	-	-	-	17.000	-	-	17.000	-	
	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2018									75.089	75.089	69.000	26.000	-	-	-	17.000	-	-	17.000	-	
1	Cầu Áp Chợ trên Hương lộ 35, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Cầu Ngang	KBNN Trà Vinh	Sở Giao thông và Vận tải	7604751	220; 223	Cấp III	2016-2019	2353/QĐ-UBND 28/10/2016	36.045	36.045	33.000	14.000				8.000			8.000		Vướng NQ 70 chính phủ không được bố trí vốn năm 2018 (đến cuối năm 2017 giải ngân hết kế hoạch vốn)
2	Xây dựng tuyến đường Bến Kinh - Hạnh Mỹ - Mai Hương, xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	KBNN Trà Vinh	Sở Giao thông và Vận tải	7607642	220; 223	Cấp IV	2016-2019	2398/QĐ-UBND 31/10/2016	39.044	39.044	36.000	12.000				9.000			9.000		Vướng NQ 70 chính phủ không được bố trí vốn năm 2018 (đến cuối năm 2017 giải ngân hết kế hoạch vốn)
II	Thông tin, truyền thông và công nghệ thông tin									22.500	22.500	20.000	365	-	-	-	7.000	-	-	7.000	-	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2018									22.500	22.500	20.000	365	-	-	-	7.000	-	-	7.000	-	
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	KBNN Trà Vinh	Văn phòng Tỉnh ủy Trà Vinh	7607837	373	TTB	2016-2019	2380/QĐ-UBND, 31/10/2016	22.500	22.500	20.000	365				7.000			7.000		Vướng NQ 70 chính phủ không được bố trí vốn năm 2018

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2018			Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh bổ sung năm 2018			Ghi chú				
									Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB	Tăng	Giảm	Ý khác		
										Tổng số												Trong đó: NSNN	
III	Công cộng									9.429	9.429	7.000	2.044	-	-	-	7.000	-	-	7.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2018									9.429	9.429	7.000	2.044	-	-	-	7.000	-	-	7.000	-	-	
	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước) bên ngoài hàng rào dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Duyên Hải (nay là thị xã Duyên Hải)	TXDH	KBNN Trà Vinh	Sở Xây dựng	7415408		Cấp IV	2014-2018	1467/QĐ-UBND 06/8/2013	9.429	9.429	7.000	2.044				7.000			7.000			
IV	Dự phòng bổ sung các dự án bức xúc và các công trình thiếu vốn													117.722			86.722					31.000	Số Tài chính đã trình giảm 40,2 tỷ trả bởi thu ngân sách
B	NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2018									162.752	159.423	94.000	29.463	75.750			75.750			58.150	58.150		
B.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									44.400	44.400			20.000			20.000			2.400	2.400		
1	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Càng Long - Giai đoạn 3	Càng Long	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Càng Long		491	cấp III	2018-2020	690/QĐ-UBND 12/4/2018	19.000	19.000						1.000			1.000			
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Càng Long - Giai đoạn 3	Càng Long	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Càng Long		491	cấp III	2018-2020	618/QĐ-UBND 02/4/2018	20.000	20.000						1.000			1.000			
3	Cải tạo nhà xưởng thực hành - Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh (giai đoạn 2)	TPTV	KBNN Trà Vinh	Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh			cấp IV	2018-2020	620/QĐ-UBND 02/4/2018	5.400	5.400						400			400			
4	Vốn còn lại chưa phân bổ													20.000			17.600					2.400	
B.2	THỰC HIỆN DỰ ÁN									118.352	115.023	94.000	29.463	55.750			55.750			55.750	55.750		
I	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo									106.352	103.023	84.000	29.092	3.000			53.750			53.750	3.000		
	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2018									106.352	103.023	84.000	29.092	3.000			53.750			53.750	3.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2018		Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh bổ sung năm 2018		Ghi chú					
									Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm	Ý khác	
										Tổng số				Trong đó: NSNN	Thu bù vốn đã ứng trước		Trả nợ XDCB	Tổng số				Thu bù vốn đã ứng trước
1	Trường Trung cấp Pali - Khmer tỉnh Trà Vinh	TPTV	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	7607620	493	cấp III	2016-2019	2383/QĐ-UBND 31/10/2016	44.987	44.987	38.000	12.172			21.750				Ước lượng NQ 70 Chính phủ không được bố trí vốn năm 2018 (Nhu cầu dự án hoàn thành)		
2	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Trà Cú (31 phòng học và 16 phòng chức năng) - giai đoạn 2	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7602457	491	cấp III	2017-2019	2354/QĐ-UBND, 28/10/2016	28.664	28.664	24.500	8.931			15.500				Ước lượng NQ 70 Chính phủ không được bố trí vốn năm 2018		
3	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn thành phố Trà Vinh (Khởi 12 phòng học + 30 Phòng chức năng) - Giai đoạn 2	TPTV	KBNN Trà Vinh	UBND TPTV	7611815	491	cấp III	2017-2019	2389/QĐ-UBND, 31/10/2016	25.386	25.386	21.500	7.989			13.500				Ước lượng NQ 70 Chính phủ không được bố trí vốn năm 2018		
4	Đổi ứng các công trình trường có vốn tài trợ từ vốn nước ngoài									7.315	3.986	-	-	3.000		3.000	-	-	3.000	3.000	Phân bổ chi tiết	
-	Trường Tiểu học Phú Cán A (điểm Ô Êt) xã Phú Cán, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	KBNN Tiểu Cần	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiểu Cần	7681491	072	cấp IV	2018	553/QĐ-UBND, 26/3/2018	1.270	500					400			400			
-	Trường Tiểu học Đôn Xuân A (Điểm Cây Đa), xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải	Duyên Hải	KBNN Duyên Hải	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Duyên Hải	7682273	072	cấp III	2018	3090/QĐ-UBND, 20/10/2017	1.857	949					800			800			
-	Trường Tiểu học Long Vĩnh B (điểm Xóm Chùa), xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải	Duyên Hải	KBNN Duyên Hải	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Duyên Hải	7682272	072	cấp III	2018	3246/QĐ-UBND, 20/10/2017	2.052	1.034					800			800			
-	Trường Mẫu giáo Long Vĩnh (điểm Cái Cò), xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải	Duyên Hải	KBNN Duyên Hải	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Duyên Hải	7682274	072	cấp III	2018	3089/QĐ-UBND, 20/10/2017	2.136	1.503					1.000			1.000			
II	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP									12.000	12.000	10.000	371	52.750	-	-	2.000	-	-	2.000	52.750	
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2018									12.000	12.000	10.000	371	-	-	-	2.000	-	-	2.000	-	

31

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2018		Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh bổ sung năm 2018		Chi chú					
									Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm	Ý khác	
										Tổng số				Trong đó: NSNN	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ XDCB	Thu hồi vốn đã ứng trước				Trả nợ XDCB
	Đầu tư mới, đầu tư nâng cấp đài truyền thanh cấp huyện, trạm truyền thanh cấp xã; bổ sung thiết bị tác nghiệp cho các đài, trạm truyền thanh	Toàn tỉnh	KBNN Trà Vinh	Sở Thông tin và truyền thông	7607632	252	TTB	2017-2019	2379/QĐ-UBND, 31/10/2016	12.000	12.000	10.000	371			2.000					Ước lượng 70 Chính phủ không được bố trí vốn năm 2018 (dự kiến quý II/2018 bàn giao đưa vào sử dụng)	
(2)	Dự phòng đầu tư các dự án cấp bách, ứng phó biến đổi khí hậu, các dự án hoàn thành thiếu vốn thanh toán												52.750							52.750		



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(NGUỒN VƯỢT THU XSKT NĂM 2016 CHƯA SỬ DỤNG TRONG NĂM 2017 CHUYỂN SANG NĂM 2018)
(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2018		Ghi chú	
									Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
										Tổng số	Trong đó: NSNN						Thu hồi vốn đã ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ									9.895	9.895	9.800	-	9.800	-	-	
	NGUỒN VƯỢT THU XSKT SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2016									9.895	9.895	9.800	-	9.800	-	-	
	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo									9.895	9.895	9.800	-	9.800	-	-	
	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2018									9.895	9.895	9.800	-	9.800	-	-	
	Dự án mua sắm trang bị phòng máy vi tính dạy và học, máy photocopy, bàn ghế học sinh, giáo viên trang bị cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2017	Toàn tỉnh	KBNN Trà Vinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	7637643		TTB	2016-2018	2391/QĐ-UBND 31/10/2016	9.895	9.895	9.800		9.800			Đã tổ chức đấu thầu thi công cuối năm 2017

1911

1912



PHỤ LỤC 3

Các văn bản thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh về bổ sung dự toán cho các sở ngành, bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

ST T	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản thỏa thuận	Nội dung thỏa thuận
1	129/TB-HĐND ngày 22/5/2018	Công văn số 1559/UBND-KT ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến bổ sung dự toán cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Thống nhất bổ sung dự toán cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch với số tiền 1.426 triệu đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo Quyết định số 2533/QĐ-BTC ngày 08/12/2017 của Bộ Tài chính đã chuyển nguồn sang năm 2018.
2	158/HĐND-VP ngày 20/6/2018	Công văn số 1874/UBND-KT ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán cho Ban điều phối dự án AMD Trà Vinh: thống nhất phân bổ dự toán cho Ban Điều phối dự án Thích ứng biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (AMD Trà Vinh) với số tiền 10.183 triệu đồng từ nguồn vốn vay được Bộ Tài chính giao tại Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính để thực hiện chuyển vốn cho Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ Phát triển tỉnh Trà Vinh cho vay.
3	158/HĐND-VP ngày 20/6/2018	Công văn số 1950/UBND-KT ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí Quy hoạch chung thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh: thống nhất bổ sung có mục tiêu cho UBND huyện Duyên Hải số tiền 1.268.557.639 đồng từ nguồn hỗ trợ công tác quy hoạch đã được phân bổ tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh để thực hiện lập đồ án quy hoạch chung thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải.
4	158/HĐND-VP ngày 20/6/2018	Công văn số 1957/UBND-KT ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến bổ sung, hỗ trợ kinh phí cho các sở, ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau cuộc họp UBND tỉnh thay thế bằng Công văn số 2147/UBND-KT ngày 19/6/2018): Thống nhất bổ sung, hỗ trợ kinh phí cho các Sở, ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố số tiền 3.620 triệu đồng để Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2018, cụ thể: - Sở, ngành tỉnh: 1.134 triệu đồng, trong đó: Công an tỉnh: 639 triệu đồng, UBMTTQ tỉnh: 50 triệu đồng, Sở Y tế: 30 triệu đồng, Hội Cựu chiến binh: 30 triệu đồng, Hội Nông dân: 15 triệu đồng, Liên đoàn Lao động: 30 triệu đồng, Hội người cao tuổi: 15 triệu đồng, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: 50 triệu đồng, Tỉnh đoàn: 40 triệu đồng, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 160 triệu đồng, Viện Kiểm sát nhân dân: 25 triệu đồng, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng: 25 triệu đồng, Tòa án nhân dân tỉnh: 25 triệu đồng;

ST T	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản thỏa thuận	Nội dung thỏa thuận
		<p>- UBND các huyện, thị xã, thành phố (Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc các huyện, thị xã, thành phố): 2.468 triệu đồng; trong đó: UBND thành phố Trà Vinh: 348 triệu đồng, UBND thị xã Duyên Hải: 223 triệu đồng, UBND huyện Càng Long: 287 triệu đồng, UBND huyện Cầu Kè: 257 triệu đồng, UBND huyện Tiểu Cần: 270 triệu đồng, UBND huyện Cầu Ngang: 312 triệu đồng, UBND huyện Trà Cú: 305 triệu đồng, UBND huyện Châu Thành: 285 triệu đồng, UBND huyện Duyên Hải: 199 triệu đồng.</p> <p>- Nguồn kinh phí:</p> <p>+ Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm được giao tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh: 1.360 triệu đồng;</p> <p>+ Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo Quyết định số 105/QĐ-BTC ngày 24/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã chuyển nguồn sang năm 2018: 2.260 triệu đồng.</p>
5	158/HĐND-VP ngày 20/6/2018	<p>Công văn số 2030/UBND-KT ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến bổ sung dự toán cho Sở NN&PTNT: thống nhất bổ sung dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số tiền 12.600 triệu đồng từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ theo Công văn số 6177/BTC-NSNN ngày 28/5/2018 của Bộ Tài chính để thực hiện các công trình khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2017 - 2018 (Đính kèm phụ lục 3a).</p>
6	158/HĐND-VP ngày 20/6/2018	<p>Công văn số 2033/UBND-KT ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh về việc bổ sung có mục tiêu kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ năm 2018: thống nhất bổ sung kinh phí cho Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Trà Vinh số tiền 9.525 triệu đồng từ nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu theo Công văn số 5101/BTC-HCSN ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ địa phương năm 2018.</p>



**Phân bổ kinh phí thực hiện các công trình khắc phục hậu quả hạn hán,
tích nhập mặn vụ Đông Xuân 2017 - 2018**
(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch phân bổ vốn
1	Nạo vét 03 kênh xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú	Trà Cú	600
2	Nạo vét 04 kênh các xã Mỹ Chánh, Đa Lộc, Hòa Lợi, huyện Châu Thành	Châu Thành	1.700
3	Nạo vét 09 kênh các xã Trường Thọ, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Hòa, Long Sơn, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	1.300
4	Nạo vét 09 kênh các xã Ngãi Hùng, Tập Ngãi, Hiếu Từ, Long Thới, Hùng Hòa, Tân Hùng, thị trấn Cầu Quan, huyện Cầu Ngang	Tiểu Cần	2.250
5	Nạo vét kênh Năm Thước, huyện Châu Thành	Châu Thành	2.400
6	Nạo vét kênh Ô Xây, huyện Châu Thành	Châu Thành	450
7	Nạo vét kênh Triền 1, huyện Châu Thành	Châu Thành	2.175
8	Nạo vét 10 kênh các xã Phong Thạnh, Tam Ngãi, Hòa Ân, Thông Hòa, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	1.725
Tổng cộng			12.600

Handwritten signature/initials



PHỤ LỤC 4

Các văn bản thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh về mức hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở tôn giáo
(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

ST T	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản thỏa thuận	Nội dung thỏa thuận	Ghi chú
1	129/TB-HĐND ngày 22/5/2018	Công văn số 1000/UBND-KGVX ngày 28/3/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến hỗ trợ kinh phí cho tổ chức tôn giáo: thống nhất mức hỗ trợ kinh phí cho chùa Kom Pong Thmo (Chùa Lò Gạch) tọa lạc tại ấp Ba Se A, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành số tiền 100 triệu đồng từ nguồn kinh phí không tự chủ của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ đã được phân bổ năm 2018 để xây dựng Trai đường.	<i>Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát lại việc sửa đổi Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 24/10/2014 của HĐND tỉnh (nếu Trung ương sửa đổi Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 thì chờ Trung ương ban hành mới trình HĐND tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 24/10/2014, nếu Trung ương không sửa đổi thì trình HĐND tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 24/10/2014 tại kỳ họp giữa năm 2018).</i>
2	129/TB-HĐND ngày 22/5/2018	Công văn số 1741/UBND-KGVX ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến hỗ trợ kinh phí cho tổ chức tôn giáo: thống nhất mức hỗ trợ kinh phí cho chùa Phnô OmPune (chùa Long Trường) tọa lạc tại ấp Long Trường, xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú và chùa Cây Xanh tọa lạc tại ấp Ngọc Hồ, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè mỗi chùa 100 triệu đồng từ nguồn kinh phí không tự chủ của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ đã được phân bổ năm 2018 để xây dựng Trai đường.	
3	129/TB-HĐND ngày 22/5/2018	Công văn số 1744/UBND-KGVX ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến hỗ trợ kinh phí cho tổ chức tôn giáo: thống nhất mức hỗ trợ kinh phí chùa Ô Chhuc tọa lạc tại ấp Ngãi Hòa, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần số tiền 200 triệu đồng từ nguồn kinh phí không tự chủ của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ đã được phân bổ năm 2018 để xây dựng Chánh điện.	
4	158/TB-HĐND ngày 20/6/2018	Công văn số 2070/UBND-KGVX ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến hỗ trợ kinh phí cho tổ chức tôn giáo: thống nhất mức hỗ trợ kinh phí 100 triệu đồng từ nguồn kinh phí không tự chủ của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ đã được phân bổ năm 2018 cho Thánh thất Đa Lộc để xây dựng Bửu điện	



PHỤ LỤC 5

Các văn bản thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh về điều chuyển biên chế công chức
(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

ST T	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản thỏa thuận	Nội dung thỏa thuận
1	158/TB-HĐND ngày 20/6/2018	Công văn số 2064/UBND-NC ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh về việc đăng ký nội dung hợp thỏa thuận định kỳ xử lý công việc: thông nhất điều chuyển 01 biên chế công chức từ UBND huyện, thị xã, thành phố về Sở, ban ngành tỉnh, cơ quan trực thuộc Sở, ban ngành tỉnh. Sau khi điều chuyển, số lượng biên chế công chức của Sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan trực thuộc Sở, ban ngành tỉnh là 975; số lượng biên chế công chức của UBND huyện, thị xã, thành phố là 802.